

Bản án số: **34/2025/HNGĐ - ST**

Ngày: 23/6/2025

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Bá Đình Tâm

2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:**
Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Thành - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ L số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc: *Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 03/TB-TA, ngày 06/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dung Thị Thiên L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, Bình Thuận

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ nguyên đơn bà Dung Thị Thiên L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình chấp thuận và có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng.

Vợ chồng có đến UBND thị trấn Lương Sơn đăng ký kết năm 2013.

Sau khi cưới vợ chồng về khu phố A, thị trấn T sinh sống tại nhà cha mẹ bà, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc.

Năm 2016 vì cuộc sống khó khăn nên vợ chồng vào Bình Dương sinh sống và làm việc, các con thì gửi cho bà ngoại vào ngày nghỉ, lễ và tết thì về quê chơi và thăm con.

Trong quá trình sống ở Bình Dương vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông C có quan hệ với người khác, bà đã khuyên răn nhiều lần nhưng không từ bỏ.

Năm 2023 ông C bỏ bà một mình ở nhà trọ ông C đi đâu làm gì không rõ, trong thời gian này thì vợ chồng ít liên lạc với nhau có liên lạc thì cha con liên lạc hỏi thăm nhau. Từ khi ông C bỏ đi một mình bà làm nuôi con ông C không hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho các con.

Khi làm đơn ly hôn bà đã gọi điện thoại cho ông C thông báo nhưng ông C nói không về được để tự bà quyết định chứ không đồng ý đến tòa.

Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung:

- Nguyễn Thị Mộng T1 - sinh ngày 24/02/2004 đã trưởng thành
- Nguyễn Thị Kiều T2 - sinh ngày 29/11/2006 đã trưởng thành
- Nguyễn Thị Bích T3- sinh ngày 05/4/2012 hiện đang ở với mẹ yêu cầu được nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C: Ông Nguyễn Văn C không đến Tòa án theo giấy triệu tập, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ L cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án

Hội đồng xét xử: đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật theo quy định tại Điều 12 Bộ luật TTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại các buổi Tòa án triệu tập, hòa giải, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa, vi phạm quy định tại Điều 70 BLTTDS năm 2015.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Cho bà Dung Thị Thiên L được ly hôn với ông Nguyễn Văn C

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung:

Nguyễn Thị Mộng Trúc - sinh ngày 24/02/2004 đã trưởng thành

Nguyễn Thị Kiều Trinh - sinh ngày 29/11/2006 đã trưởng thành

Nguyễn Thị Bích Trâm - sinh ngày 05/4/2012

Giao cho bà Dung Thị Thiên L nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Thị Bích Trâm - sinh ngày 05/4/2012 đến khi trưởng thành, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn của ông Nguyễn Văn C.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Dung Thị Thiên L và ông Nguyễn Văn C có hộ khẩu thường trú tại: huyện B, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Dung Thị Thiên L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt không có L do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dung Thị Thiên L, HĐXX nhận thấy: Bà L và ông C xác lập quan hệ vợ chồng năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T năm 2013, huyện B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 155 ngày 06/11/2013 nên là hôn nhân hợp pháp, bà L có đơn ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Bà L và ông C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông C có quan hệ với người khác và ông C tự động chấm dứt quan hệ vợ chồng. Về phía ông C, mặc dù Tòa án đã tổng niêm yết đầy đủ văn bản tố tụng cho

ông C biết về việc bà L yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông C không có ý kiến gì và luôn vắng mặt tại các buổi hòa giải chứng tỏ ông C bỏ mặc không còn tha thiết hàn gắn tình cảm gia đình với bà L nữa.

Theo quy định Luật HNGĐ vợ chồng thì phải biết thương yêu và tôn trọng nhau, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hiện nay cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà L và ông C phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn sẻ chia, lo lắng, quan tâm nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Có 03 con chung:

- Nguyễn Thị Mộng T1 - sinh ngày 24/02/2004

- Nguyễn Thị Kiều T2- sinh ngày 29/11/2006

Nguyễn Thị Bích T3- sinh ngày 05/4/2012

Hiện cháu Mộng T1 và Kiều T2 đã trưởng thành. Cháu Bích T3 đang ở với bà L và nguyện vọng là được ở với mẹ. Do đó để đảm bảo sự ổn định về sinh hoạt, học tập, tạo điều kiện tốt nhất cho con được phát triển toàn diện nghĩ nên giao con cho bà L chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông Nguyễn Văn C có được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung mà không bị ai cản trở.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Bà L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Duyệt Thị Thiên L được ly hôn với ông Nguyễn Văn C có

Về con chung: Có 03 con chung :

- Nguyễn Thị Mộng T1- sinh ngày 24/02/2004 đã trưởng thành

- Nguyễn Thị Kiều T2- sinh ngày 29/11/2006 đã trưởng thành

- Nguyễn Thị Bích T3- sinh ngày 05/4/2012

Giao cho bà Duyệt Thị Thiên L tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung: Nguyễn Thị Bích T3- sinh ngày 05/4/2012 đến khi trưởng thành, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Duyệt Thị Thiên L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà L đã nộp tại biên lai thu số 0009266, ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, bà Duyệt Thị Thiên L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thanh Nữ Kiều Oanh

